

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 17/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Anh Dũng

2/ Ông Huỳnh Phi Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế, cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 417/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Trịnh Văn L, sinh năm 1987, tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký thường trú: số 35, tổ M, khu phố T, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường L, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: Không xác định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 30/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 1 năm 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 663/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2016 (chưa chấp hành án phí và bồi thường dân sự);

Ngày 08/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 410/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2020 (chưa chấp hành án phí và bồi thường dân sự).

Nhân thân:

Ngày 16/6/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 339/2009/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/9/2013 và đã nộp xong án phí án phí hình

sự sơ thẩm.

Ngày 03/01/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 02/2023/QĐ-TA. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 04/9/2024.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2025, sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố Biên Hòa theo Lệnh tạm giam số 2425/LTG-VPCQCSĐT ngày 08/5/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

- *Bị hại:* Ông Đinh Như Ngọc T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 55/3, khu phố B, phường Tà, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường H, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/04/2025, trên đường đi bộ qua trước số nhà 196/1, khu phố H, phường T, thành phố Biên Hoà (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, màu xám, biển số 60F2-427.89 của ông Đinh Như Ngọc T, sinh năm 1989, nơi đăng ký thường trú: số 55/3, khu phố B, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai là nhân viên shipper giao hàng, quan sát không có người trông coi, trên xe vẫn cắm chìa khóa, phía sau trên yên xe chở 01 giỏ nhựa màu đỏ có lớp bọc ngoài ghi dòng chữ “J&T” nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, lợi dụng lúc ông T đi bộ vào phía bên trong nhà tại địa chỉ trên để giao hàng cho khách cách vị trí dựng xe khoảng 10 mét, L liền tiếp cận và leo lên xe đề nổ máy rồi điều khiển chiếc xe của ông Thức về phòng trọ của bạn gái tên Phạm Kim N, sinh năm 1988 tại địa chỉ: khu phố N, phường T, thành phố Biên Hoà cất giấu. Tại đây, L tháo giỏ hàng trên yên xe xuống cất giấu tại phòng trọ, rồi sử dụng điện thoại Vivo của mình chụp hình chiếc xe trộm cắp được của ông T đăng tải lên mạng xã hội Facebook nhóm “Chợ tốt” thông qua tài khoản “Locli Nganngao” để rao bán chiếc xe với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) thì có 01 người đàn ông tự xưng tên “Nam” (không nhớ tên tài khoản và không rõ nhân thân, lai lịch) liên hệ qua ứng dụng Messenger hỏi mua xe và hẹn giao dịch tại khu vực cầu Sắn Máu thuộc phường T. Sau đó, L điều khiển chiếc xe đi đến điểm hẹn giao chiếc xe kèm theo Giấy đăng ký xe (do L lấy bên trong cốp xe) cho N và nhận số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) từ Nam, tiêu xài hết.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi L đang ở tại phòng trọ của chị N thì Công an phường T tiến hành kiểm tra hành chính, L sợ hãi trèo lên mái nhà để

bỏ chạy thì bị té ngã gây xương đùi phải nên đã bị Công an phường T giữ lại, giao cho Công an phường T lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố, điều tra xử lý.

Về vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô (nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, màu xám, biển số 60F2-427.89) là tài sản của ông Đinh Như Ngọc T bị chiếm đoạt. Sau khi lấy trộm được chiếc xe, L đã bán cho người tên Nam không rõ nhân thân, lại lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 giỏ nhựa màu đỏ có lớp bọc ngoài ghi dòng chữ “J&T”, tạm giữ của bị cáo L, là tài sản của ông Đinh Như Ngọc T bị trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Thức.

- 01 đôi dép màu đen và 01 nón vải sọc caro có chữ “Burberry”, tạm giữ của bị cáo L, là tài sản của bị cáo không phải là công cụ, phương tiện phạm tội trong vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo L.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo của bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, bị hư hỏng nên bị cáo đã vứt bỏ trong quá trình bỏ chạy, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 USB (nhãn hiệu Tosiba 16GB) lưu trữ file hình ảnh ghi nhận được hành vi phạm tội của bị cáo, thu giữ được tại khu vực hiện trường vụ án. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận số 56/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 xe mô tô, gắn máy biển số 60F2-427.89 trị giá 22.794.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng). Đối với 01 giỏ nhựa màu đỏ có lớp bọc ngoài ghi dòng chữ “J&T” đã cũ, không xác định được nhãn hiệu - chủng loại, không định giá được.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị xe mô tô là 22.794.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng). Đối với hình phạt thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 432/CT-VKS-HS ngày 20/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai), tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trịnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Trịnh Văn L về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trịnh Văn L bồi thường cho bị hại số tiền 22.794.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/4/2025, tại khu vực đường trước nhà số 196/1, khu phố H, phường T, thành phố Biên Hòa (nay là phường Hi, tỉnh Đồng Nai) Trịnh Văn L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, biển số 60F2-427.89, gắn 01 giỏ nhựa màu đỏ có lớp bọc ngoài ghi dòng chữ “J&T”, của ông Đinh Như Ngọc T thì bị phát hiện, khởi tố điều tra xử lý. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 xe mô tô, gắn máy biển số 60F2-427.89 trị giá 22.794.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng)”. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên định khung tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức

được hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật; bị cáo có nhân thân xấu nhưng không tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, màu xám, biển số 60F2-427.89 L đã bán cho người tên N không rõ nhân thân, lại lịch chưa thu hồi được. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo của bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội đã vứt bỏ chưa thu hồi được. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với 01 USB (nhãn hiệu Tosiba 16GB) lưu trữ file hình ảnh ghi nhận được hành vi phạm tội của bị cáo, thu giữ được tại khu vực hiện trường vụ án. Là tài liệu, chứng cứ nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo Trịnh Văn L đồng ý bồi thường cho bị hại ông Đinh Như Ngọc T số tiền 22.794.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng)".

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Phạm Kim N không biết là tài sản do L phạm tội mà có và không biết gì về hành vi phạm tội của L nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với người tên N không rõ nhân thân, lại lịch, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2025.

2. Buộc bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường cho ông Đinh Như Ngọc T số tiền 22.794.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 1.139.700đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 1 – Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV 1 – Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam khu vực thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn